

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20-6-2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm

2. Ông Nguyễn Văn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phan Thị Hồng D, sinh năm: 1981, (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* anh Lê Hoàng T, sinh năm: 1979, (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-9-2022 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Phan Thị Hồng D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, tại căn nhà riêng của anh T ngụ ấp B, xã Đ, T, anh chị có đăng ký kết hôn tại xã Đ, T. Vợ chồng sống đến tháng 5 năm 2022 xảy ra mâu thuẫn, do anh T hay ghen tuông vô cớ, dùng lời lẽ thô tục chửi mắng chị, chị vẫn chịu đựng để sống nuôi con. Chị thuê quán bán nước tại B, Bình Dương, anh T thì quản lý nhà trọ cho em gái anh, có lần chị về bắt gặp anh với người phụ nữ khác trong nhà trọ do anh quản lý, từ đó chị đi luôn không về nhà, thì anh T dẫn người phụ nữ đó về sống chung trong nhà luôn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5 năm 2022. Nay chị thấy cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không tin tưởng nhau nữa nên chị xin ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 01 con Lê Thị Hồng D1, sinh ngày 01-3-2014 hiện chị đang nuôi, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.
- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 29-5-2023 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25-5-2023 bị đơn anh Lê Hoàng T trình bày: anh và chị Phan Thị Hồng D tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2013, không tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn tại xã Đ, T. Lúc đó chị về sống chung nhà riêng của anh T tại ấp B, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng sống đến năm 2020 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng sống không phù hợp nên hay cãi vã nhau, đến cuối năm 2021 vợ đi bán cà phê ở Bình Dương, đến giữa năm 2022 trở về nhà, nhưng vợ chồng không còn quan hệ tình cảm nhau, vợ hay đi tụ tập bạn bè ăn chơi sau đó bỏ nhà đi luôn, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021. Thời gian này vợ chồng có gặp nhau nhưng không bàn việc đoàn tụ lại. Nay vợ xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con tên Lê Thị Hồng D1, sinh ngày 01-3-2014 hiện vợ đang nuôi, anh đồng ý giao cho vợ nuôi con, anh không cấp dưỡng, nhưng anh có tiền sẽ phụ vợ nuôi con.
- Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: không có, anh không yêu cầu giải quyết. Ngày 25-5-2023 anh có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị D và anh T có yêu cầu xin giải quyết vắng mặt có lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Hồng D đối với anh Lê Hoàng T; về con chung: giao cháu Lê Thị Hồng D1, sinh ngày 01-3-2014 cho chị D được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và về nợ chung: không đặt ra giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị D và anh T có đơn xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân:* chị D và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công

nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ cuối năm 2021.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, nên hay cãi vã gây gổ nhau, chị D không tin tưởng anh T về tình cảm, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021. Qua làm việc anh T cung cấp lời khai, nhưng không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải, tức là anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 01 cháu Lê Thị Hồng D1, sinh ngày 01-3-2014, chị D đang nuôi, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, anh T đồng ý theo yêu cầu của chị D. Xét thấy, cháu D1 có nguyện vọng muốn sống với mẹ, nghỉ nên chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu D1 cho chị D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu D1 và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: chị D, anh T không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị D, anh T khai không có, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị D chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Hồng D đối với anh Lê Hoàng T. Chị D được ly hôn với anh T.

2. *Về con chung*: giao cháu Lê Thị Hồng D1, sinh ngày 01-3-2014 cho chị Phan Thị Hồng D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị D, anh T không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị D, anh T khai không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Phan Thị Hồng D chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027034 ngày 09-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị D nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đôn Thuận, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị An